



大國際食品股份有限公司

(MST: 3600245631)

INTERFOOD SHAREHOLDING COMPANY
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ

KE HOACH SXKD NAM 2007
PLAN OF BUSINESS OPERATION IN 2007

Stt (Item)	Chỉ tiêu (Particular)	2006 VND	2007 VND
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Sales)	657,393,976,188	723,133,373,807
2	Các khoản giảm trừ doanh thu (Less deductions)	-15,707,700,873	-17,278,470,960
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Net sales)	641,686,275,315	705,854,902,847
4	Giá vốn hàng bán (Cost of sales)	-516,725,496,558	-560,398,046,214
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Gross profit)	<u>124,960,778,757</u>	<u>145,456,856,633</u>
6	Doanh thu hoạt động tài chính (Finance income)	6,621,487,947	7,283,636,742
7	Chi phí tài chính (Finance expenditure)	-11,820,243,231	-13,002,267,554
8	Chi phí bán hàng (Selling expenses)	-28,296,589,743	-31,126,248,717
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp (General & administration expenses)	-25,301,562,228	-27,831,718,451
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (Operating profit)	<u>66,163,871,502</u>	<u>80,780,258,652</u>
11	Thu nhập khác (Other income)	8,580,400,011	1,438,440,012
12	Chi phí khác (Other expenses)	-826,786,350	-909,464,985
13	Lợi nhuận khác (Other gain)	7,753,613,661	528,975,027
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (Net profit /(loss) before tax)	<u>73,917,485,163</u>	<u>81,309,233,679</u>
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp (Business income tax)	-14,375,890,557	-10,163,654,210
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (Net profit /(loss) after tax)	<u>59,541,594,606</u>	<u>71,145,579,469</u>

Đồng nai, Ngày (Date): 25/04/2007
Thay mặt Công ty Cổ phần thực phẩm quốc tế
For Interfood Shareholding Company
Chủ tịch HĐQT (Chairman)

PANG TEE CHIANG